

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 30-8-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kha

2. Bà Lê Thị Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2017, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Đức N.

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Văn H - Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: chị Võ Thị H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người làm chứng: Bà Võ Thị L.

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh và chị Võ Thị H yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 28/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với cha mẹ đẻ của anh tại thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi một thời gian thì vào miền Nam để làm ăn, sinh sống (bán Hủ Tiếu). Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không thống nhất được với nhau về việc quản lý tiền, thu chi giữa hai vợ chồng. Từ đó thiếu sự tin yêu lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 (âm lịch) cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Võ Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2016. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 18/3/2017, biên bản làm việc ngày 20/3/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng chị như lời anh N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi chị sinh con thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, nhất là về vấn đề tài chính. Thời điểm này chị H sinh con, phải ở nhà để chăm lo cho con nên không có thu nhập, anh N thì thiếu sự quan tâm, lo lắng về tài chính cho hai mẹ con. Vì vậy mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh N yêu cầu ly hôn, chị H không đồng ý, vì vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn, chị mong muốn vợ chồng bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ sống chung, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: chị H thừa nhận vợ chồng có 01 con như lời anh N khai là đúng. Quá trình giải quyết vụ án, chị không yêu cầu gì về việc nuôi con, nhưng Tại phiên toà, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con; đồng thời yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị H khai vợ chồng chị có tài sản chung là 17 chỉ vàng (loại 9999) do hai bên gia đình cho khi cưới và 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền vợ chồng buôn bán tích lũy được, nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Đức N có ý kiến cho rằng: Đến nay thì tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H đã hết nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh N được ly hôn chị H; Về con chung, hiện nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị H tiếp tục nuôi, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Về tài sản chung và nợ, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 Luật HNGĐ; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Chấp nhận cho Anh Nguyễn Đức N được ly hôn chị Võ Thị H.
- + Giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.
- + Về án phí: anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), chứng minh nhân dân tên Nguyễn Đức N (Bản sao), giấy khai sinh Nguyễn Võ Minh T (Bản sao) và sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Võ Thị L (Bản sao).

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau:

- Về con chung: có 01 con tên Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2016. Nguyên vọng của anh N là giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chị H đồng ý.
- Về tài sản chung: anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đức N yêu cầu ly hôn, chị Võ Thị H không đồng ý.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, chị H yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; anh N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự:

- Nguyên đơn trình bày: Hiện nay, nghề nghiệp của tôi không ổn định nên chỉ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.
- Bị đơn trình bày: Anh N bán hủ tiếu nên thu nhập bình quân mỗi ngày 1.000.000 đồng, vì vậy tôi yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức nhận được đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh Nguyễn Đức N. Căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc khởi kiện của anh N là phù hợp với quy định của Pháp luật và đúng thẩm quyền nên được Tòa thụ lý vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn anh Nguyễn Đức N và bị đơn chị Võ Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 28/5/2015, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn với nhau về cách sống cũng như quản lý thu nhập, chi tiêu trong gia đình. Mặc dù gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhằm hàn gắn tình cảm, để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Nguyễn Đức N với chị Võ Thị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh N xin ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

Chị Võ Thị H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không đồng ý ly hôn. Ý kiến trên của chị H không phù hợp với thực tế cuộc sống của vợ chồng chị và trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: anh N và chị H đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2016. Nguyên vọng của anh N là giao con cho chị H nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng mình không đồng ý ly hôn, nên việc nuôi con chung chị không có ý kiến và yêu cầu gì. Tại phiên toà, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hiện nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống với chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển một cách toàn diện về mọi mặt của cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị H trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, chị H yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; anh N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con (đối với cháu Nguyễn Võ Minh T) mỗi tháng 650.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H không chứng minh được thu nhập hợp pháp của anh N, trong khi anh N chỉ là lao động phổ thông (bán Hủ tiếu) thu nhập không ổn định, nên mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng là cao và không có căn cứ để chấp nhận. Mức cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng là thấp và chưa phù hợp với điều kiện sống, sinh hoạt và nuôi con tại địa bàn huyện Mộ Đức. Do đó, cần buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000 đồng, cho đến khi cháu Nguyễn Võ Minh T đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: anh Nguyễn Đức N khai vợ chồng không có tài sản chung, chị Nguyễn Thị H khai vợ chồng có tài sản chung là 17 chỉ vàng (loại 9999) do hai bên gia đình cho khi cưới và 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) tiền vợ chồng buôn bán tích lũy được, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của anh N và chị H.

[2.5] Về nợ: anh N và chị H khẳng định không có nợ chung nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung giữa anh N và chị H là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức N được ly hôn chị Võ Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Minh T, sinh ngày 09/02/2016 cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ: anh N và chị H không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: anh Nguyễn Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0004054, ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộ Đức. Như vậy, anh Nguyễn Đức N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp